

Bản án số : 10 /2018/DS-ST.

Ngày: 07/11/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG T, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn D.

2. Bà Nguyễn Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ph – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H:
Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 27/2018/TLST – DS ngày 12 tháng 09 năm 2018 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài B, sinh năm : 1985, và bà Phan Thị Thu V, sinh năm : 1988. Địa chỉ: Thôn Bình Lợi, Bình Đ, Hương T, Thừa Thiên H. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Lệ Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Bình Lợi, Bình Đ, Hương T, Thừa Thiên H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Á, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Bình Lợi, Bình Đ, Hương T, Thừa Thiên H. Có giấy ủy quyền cho bà Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Hoài B và bà Phan Thị Thu V trình bày thấy rằng:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/03/2018, ông B và bà V có cho vợ chồng bà Phan Thị Lệ Q và ông Phạm Văn Á mượn số tiền 440.000.000đ để có việc gia đình và hẹn sau một tháng sẽ trả hết nợ và có viết giấy nhận nợ, nhưng đến hẹn vợ chồng bà Q không trả và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng nhà đất

của bà Q cho vợ chồng ông B để trừ nợ với lý do không có khả năng trả nợ cho vợ chồng ông B được.

Nay vợ chồng ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Phan Thị Lê Q và ông Phạm Văn Á phải trả một lần số tiền còn nợ là 440.000.000đ và không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, phía bị đơn là bà Phan Thị Lê Q có ý kiến thừa nhận có mượn vợ chồng ông B số tiền 440.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng và hẹn trong 01 tháng sẽ trả. Đến hạn trả tiền, do không có tiền để trả nên vợ chồng bà Q đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà đất cho vợ chồng ông B để cầm trừ nợ. Nay vợ chồng ông B đề nghị vợ chồng bà trả số tiền trên thì do làm ăn thua lỗ nên bà không thể trả một lần số tiền trên mà xin được trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ, còn ông Á chồng bà đã có giấy ủy quyền cho bà giải quyết mọi việc.

Nguyên đơn không đồng ý như ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Phan Thị Lê Q và ông Phạm Văn Á cư trú tại Thôn Bình Lợi, Bình Đ, thị xã Hương T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương T, theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bà Q và ông Á vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Á đã ủy quyền cho bà Q nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/03/2018, ông B và bà V có cho vợ chồng bà Phan Thị Lê Q và ông Phạm Văn Á mượn số tiền 440.000.000đ để có việc gia đình và hẹn sau một tháng sẽ trả hết nợ và có viết giấy nhận nợ, nhưng đến hạn vợ chồng bà Q không trả và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng nhà đất của bà Q cho vợ chồng ông B để trừ nợ với lý do không có khả năng trả nợ cho vợ chồng ông B được.

Nay vợ chồng ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Phan Thị Lê Q và ông Phạm Văn Á phải trả một lần số tiền còn nợ là 440.000.000đ và không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết bà Q xác nhận có mượn vợ chồng ông B số tiền 440.000.000đ và hẹn trong 01 tháng sẽ trả đủ. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên không thể trả cho vợ chồng ông B một lần số tiền này mà yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến khi hết số nợ nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự vẫn không thỏa thuận để giải quyết vụ án.

Như vậy việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Q, ông Á phải trả số tiền vay mượn 440.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ cần chấp nhận.

Về án phí:

Vợ chồng bà Q, ông Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là : $20.000.000 + (40.000.000đ \times 4\%) = 21.600.000đ$.

Ông Nguyễn Hoài B và bà Phan Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 39, 227, 233, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Phan Thị Lệ Q và ông Phạm Văn Á phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài B và bà Phan Thị Thu V số tiền vay mượn là 440.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị Lệ Q và ông Phạm Văn Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là : 21.600.000đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Vợ chồng ông B, bà V được hoàn trả lại cho số tiền 10.800.000đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009793 ngày 12/09/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thừa Thiên Huế;
- VKSNDTX Hương Trà;
- THATX Hương Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ T